

Số: ~~794~~ /QĐ-ĐHNLBG-NNTH

Bắc Giang, ngày 21 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thi và cấp chứng nhận năng lực ngoại ngữ nội bộ
(dành cho sinh viên)**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG

Căn cứ Quyết định số 4663/QĐ-BNN-TCCB ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang; Quyết định số 1805/QĐ-BNN-TCCB ngày 11/11/2016 về sửa đổi các khoản 3,4,5 Điều 3 Quyết định số 4663/QĐ-BNN-TCCB ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang;

Căn cứ Hướng dẫn số 780/HD-ĐHNLBG ngày 09 tháng 8 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang về việc thực hiện quy định về chuẩn đầu ra Ngoại ngữ, Tin học đối với sinh viên hệ chính quy;

Căn cứ Quyết định số 474/ĐT-ĐHNLBG-ĐT ngày 04/8/2020 Ban hành Chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học đối với các ngành đào tạo bậc đại học chính quy của trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang;

Căn cứ nội dung biên bản họp ngày 15/11/2023 của Hội đồng xét kết quả kỳ thi đánh giá năng lực ngữ theo chuẩn đầu ra (dành cho sinh viên), đợt thi ngày 04/11/2023;

Theo đề nghị của chủ tịch Hội đồng thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo chuẩn đầu ra (dành cho sinh viên), đợt thi ngày 04/11/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thi và công nhận danh sách 37 thí sinh đạt yêu cầu, được cấp chứng nhận năng lực Tiếng Anh nội bộ tương đương bậc 3 (B1) của Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang.

(Có danh sách thí sinh kèm theo)

Điều 2. Trường các đơn vị trực thuộc có liên quan và thí sinh có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- BGH (b/c);
- CT HĐT (b/c);
- Như Điều 2;
- Lưu: VT, ĐT, NNTH.

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Bảo Dương

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT YÊU CẦU VÀ ĐƯỢC CẤP CHỨNG NHẬN NĂNG LỰC TIẾNG ANH NỘI BỘ TƯƠNG ĐƯƠNG BẬC 3 (B1) CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG

(Ban hành kèm theo QĐ số **794**/QĐ-ĐHNLBG-NNTH ngày **21** tháng **11** năm 2023 của Hiệu trưởng trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang)

T T	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên	Điểm thi				Điểm trung bình	Kết quả
									Đọc	Viết	Nghe	Nói		
1	TA01	Đặng Thị Phương	Anh	04/06/1999	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN10A	20D0471KTO	143	156	148	130	144	B1
2	TA02	Nguyễn Thị Mai	Anh	10/12/2003	Bắc Ninh	Nữ	D - QLĐĐ11A	21D0475QLD	157	150	144	130	145	B1
3	TA04	Vũ Quốc	Ân	02/08/2003	Nam Định	Nam	D - THUY11A	21D0626THY	163	130	152	113	140	B1
4	TA05	Phùng Thị	Bích	05/01/2003	Lạng Sơn	Nữ	D - QLĐĐ11A	21D0476QLD	167	135	152	113	142	B1
5	TA07	Nguyễn Văn	Chiến	01/04/2003	Bắc Ninh	Nam	D - THUY11A	21D0628THY	160	146	144	109	140	B1
6	TA08	Nguyễn Thành	Công	19/08/2001	Bắc Giang	Nam	D - KINHTE11A	22D0045KTE	160	156	148	142	152	B1
7	TA09	Chu Thị	Dung	02/02/2003	Bắc Giang	Nữ	D - KETOAN11A	21D0503KTO	163	162	148	137	152	B1
8	TA10	Chu Thế	Hải	05/03/2003	Bắc Ninh	Nam	D - THUY11A	21D0633THY	160	144	148	116	142	B1
9	TA11	Ngô Thị Thanh	Hằng	04/10/2003	Bắc Giang	Nữ	D - KETOAN11A	21D0407KTO	167	148	148	130	148	B1
10	TA13	Nguyễn Đình Vân	Khang	03/12/2003	Bắc Ninh	Nam	D - QLĐĐ11A	21D0479QLD	167	150	152	142	153	B1
11	TA14	Nguyễn Hữu Nam	Khánh	06/10/2003	Bắc Ninh	Nam	D - QLĐĐ11A	21D0480QLD	163	152	137	137	147	B1
12	TA15	Nguyễn Đức	Khiêm	17/05/2003	Bắc Giang	Nam	D - THUY11A	21D0636THY	150	140	148	120	140	B1
13	TA16	Vũ Hải	Kỳ	18/09/2002	Hà Giang	Nam	D - THUY11A	21D0638THY	163	150	156	133	151	B1
14	TA17	Nguyễn Thị Thu	Lan	16/10/2003	Bắc Giang	Nữ	D - KETOAN11A	21D0511KTO	157	130	137	137	140	B1

T T	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên	Điểm thi				Điểm trung bình	Kết quả
									Đọc	Viết	Nghe	Nói		
15	TA18	Trần Thị Mai	Lan	22/01/2002	Bắc Giang	Nữ	D - KETOAN11A	22D0530KT O	160	152	140	120	143	B1
16	TA19	Đỗ Thanh	Long	01/11/2003	Hà Nội	Nam	D - THUY11A	21D0640THY	163	146	140	120	142	B1
17	TA20	Quản Thế	Lợi	18/05/2003	Bắc Ninh	Nam	D - QLĐĐ11A	21D0483QLD	157	146	144	113	140	B1
18	TA23	Vũ Thị Trà	My	08/06/2002	Bắc Giang	Nữ	D - QLĐĐ11A	21D0484QLD	157	146	156	102	140	B1
19	TA24	Bùi Thị Bích	Ngọc	28/05/2003	Bắc Giang	Nữ	D - KETOAN11A	21D0517KTO	157	150	148	140	149	B1
20	TA25	Đoàn Thị Ánh	Ngọc	05/11/2003	Bắc Ninh	Nữ	D - KETOAN11A	21D0518KTO	157	152	156	147	153	B1
21	TA27	Đỗ Hùng	Phi	03/11/2003	Hà Nội	Nam	D - KETOAN11A	21D0521KTO	150	146	140	140	144	B1
22	TA28	Nguyễn Sỹ	Phương	15/10/2003	Bình Phước	Nam	D - KETOAN11A	21D0522KTO	157	150	144	109	140	B1
23	TA29	Nguyễn Đức	Quân	19/10/2003	Bắc Giang	Nam	D - KETOAN11A	21D0523KTO	157	148	152	130	147	B1
24	TA30	Hoàng Xuân	Quý	20/01/2003	Lạng Sơn	Nam	D - THUY11A	21D0647THY	160	142	152	133	147	B1
25	TA31	Lợi Quý	Quyền	19/02/2000	Hà Nội	Nam	D - THUY11A	21D0649THY	160	160	156	153	157	B1
26	TA32	Nguyễn Xuân	Quyền	27/12/2003	Bắc Giang	Nam	D - THUY11A	21D0648THY	160	135	148	123	142	B1
27	TA33	Lạc Thanh	Tâm	10/08/2003	Lạng Sơn	Nữ	D - NNTQ 11A	21D0059NTQ	150	148	160	113	143	B1
28	TA34	Phan Văn	Tấn	01/01/2003	Bắc Giang	Nam	D - THUY11A	21D0650THY	157	146	148	109	140	B1
29	TA35	Dương Ngô	Thành	01/09/2003	Bắc Giang	Nam	D - THUY11A	21D0652THY	157	144	152	109	140	B1
30	TA36	Đỗ Thị	Thơm	27/08/2003	Bắc Giang	Nữ	D - KETOAN11A	21D0524KTO	153	144	148	130	144	B1
31	TA37	Lương Thị	Thúy	20/02/2003	Bắc Giang	Nữ	D - KETOAN11A	21D0525KTO	160	144	152	140	149	B1

LB

T T	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên	Điểm thi				Điểm trung bình	Kết quả
									Đọc	Viết	Nghe	Nói		
32	TA38	Nguyễn Thị Thu	Trang	27/02/2003	Bắc Giang	Nữ	D - KETOAN11A	21D0527KTO	160	150	148	142	150	B1
33	TA39	Thân Thị Kiều	Trang	05/01/2003	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ 11B	21D0088NTQ	153	144	152	137	147	B1
34	TA40	Trần Thị Ngọc	Trâm	12/08/2003	Bắc Giang	Nữ	D - KETOAN11A	22D0531KTO	157	144	148	130	145	B1
35	TA41	Nguyễn Đức	Tuấn	18/03/2003	Bắc Giang	Nam	D - KETOAN11A	21D0528KTO	157	154	144	133	147	B1
36	TA42	Phan Minh	Tuệ	01/03/2003	Thái Bình	Nam	D - THUY11A	21D0654THY	140	150	148	120	140	B1
37	TA43	Hà Trần Ngọc	Uyên	12/11/2003	Bắc Giang	Nữ	D - KETOAN11A	21D0529KTO	157	152	165	140	153	B1

Danh sách gồm 37 thí sinh. / 